

SỞ Y TẾ HÀ NAM
PKĐK NAM CAO
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ
NAM CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 06 tháng 08 năm 2024

Số: 01/BCB-PKNC

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y Tế Hà Nam

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Phòng khám Đa khoa Nam Cao

Số giấy phép hoạt động: 00291/HNA-GPHĐ. Cơ quan cấp: Sở y tế Hà Nam cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Mai Thị Chính

Điện thoại liên hệ: 0989547397 Email (nếu có):.....

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

Chức danh Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa

Chức danh kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề xét nghiệm Y học

Chức danh kỹ thuật Y với phạm vi hành nghề hình ảnh Y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành

STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
1	Mai Thị Chính	000024/HNA-CCHN	Phụ trách bộ phận Nội
2	Nguyễn Văn Cường	00014/HNA-CCHN	Tham gia khám chữa bệnh Nội khoa
3	Nguyễn Thị Bằng	001219/HNA-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa sản

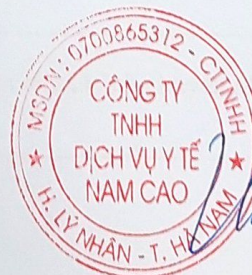


STT	Họ và tên	Số CCHN	Phạm vi chuyên môn
4	Đoàn Thúy Quỳnh	034363/HNO-CCHN	Phụ trách xét nghiệm: - Sinh hóa: Xét nghiệm sinh hóa máu, nước tiểu; - Huyết học: Công thức máu, máu lắng, máu đông, máu chảy, đường máu
5	Bùi Quốc Trung	007005/TB-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh: Chẩn đoán X-quang; Thực hiện Siêu âm, điện tim, điện não, nội soi tiêu hóa
6	Nguyễn Thị Thu Huyền	000089/HNA-GPHN	Thực hiện theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng Bộ Nội Vụ về việc ban hành tiêu chuẩn, nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp)
7	Vũ Thị Thanh Nhân	000088/HNA-GPHN	Thực hiện theo quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng Bộ Nội Vụ về việc ban hành tiêu chuẩn, nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng (đối với điều dưỡng trung cấp)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có)
 4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận đề hướng dẫn thực hành: 60 người
 5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 200.000 đ/tháng/người
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.
Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố (nếu có)

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Nơi nhận: Như kính gửi;
Lưu: HCNS



GIÁM ĐỐC

Trần Duy Thành

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ NAM

PKĐK NAM CAO

Số: 02/BCB-NC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 16 tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành với Y sỹ và Kỹ thuật viên

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ quyết định số 535/QĐ-SYT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Sở Y tế về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa Nam Cao

Căn cứ giấy phép hoạt động số 00291/HNA-GPHĐ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Sở y tế-Hà Nam về việc khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa Nam Cao

Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở y tế tỉnh Hà Nam về việc đơn đốc thực hiện Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP, Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu:

- Đối với y sỹ: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho y sỹ đa khoa theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện được Sở y tế phê duyệt.
- Đối với kỹ thuật viên: Thực hành thành thạo các dịch vụ kỹ thuật dành cho kỹ thuật viên theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT trong phạm vi hoạt động chuyên môn của Bệnh viện được Sở y tế phê duyệt.
- Trong thời gian học thực hành chuyên môn phải được tập huấn về các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng 20 tiết (mỗi buổi 4 tiết)

2. Yêu cầu:

- Người thực hành được khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn trực tiếp trên người bệnh, thực hành việc kê đơn thuốc dưới sự giám sát



của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành đầy đủ nội dung thực hành và đảm bảo đủ thời gian thực hành theo quy định tại Nghị định 96/2003/NĐ-CP
- Phân công người hướng dẫn thực hành phải đảm bảo phù hợp về chuyên môn năng lực của người hướng dẫn thực hành

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Số lượng đối tượng thực hành đơn vị tiếp nhận trong năm

- Y sĩ : 15 người
- Kỹ thuật y: 20 người

2. Thời gian học thực hành tại các bộ phận

- Y sỹ: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh y sỹ là 09 tháng trong đó:
 - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 06 tháng tại các bộ phận khám bệnh tại phòng khám
 - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 03 tháng tại các bộ phận HSCC
- Kỹ thuật y: Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh với chức danh Kỹ thuật y là 06 tháng trong đó:
 - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh: 05 tháng
 - + Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về HSCC: 01 tháng

3. Danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành: Danh sách đính kèm

4. Nội dung hướng dẫn thực hành: Đính kèm

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Hành chính – Nhân sự.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho người học thực hành.
- Tham mưu Giám đốc cấp giấy xác nhận thực hành sau khi người học thực hành kết thúc thời gian học thực hành.
- Tập huấn các nội dung liên quan đến quy chế chuyên môn.
- Lập danh sách NVYT tham gia hướng dẫn thực hành và phân công người

hướng dẫn thực hành.

- Giới thiệu người học thực hành với các bộ phận, phòng và người hướng dẫn thực hành theo quyết định.

- Đầu mối tiếp nhận và hướng dẫn người học thực hành làm hồ sơ và tổng hợp danh sách người thực hành gửi Sở Y tế.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, tổ chức tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh với tổng thời lượng là 20 tiết (mỗi buổi 4 tiết).

- Theo dõi chăm công người học thực hành tại các bộ phận.

2. Các bộ phận, phòng có liên quan

- Tiếp nhận người hướng dẫn thực hành.

- Tạo điều kiện cho người thực hành hoàn thành nhiệm vụ và tham gia đầy đủ các buổi thực hành.

3. Người hướng dẫn thực hành

- Tuân thủ sự phân công hướng dẫn thực hành của đơn vị.

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

- Theo dõi và đánh giá, nhận xét kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

4. Người thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế cơ sở hướng dẫn thực hành của đơn vị.

- Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn hoặc có lý do chính đáng khác, người hướng dẫn thực hành được từ chối hướng dẫn thực hành và phải báo cáo Giám đốc.

- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.

- Người thực hành không được tự ý ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được hướng dẫn thực hành cho phép.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
- Trên đây là kế hoạch hướng dẫn thực hành đối với các chức danh chuyên môn y tế của Phòng khám đa khoa Nam Cao, đề nghị các bộ phận nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (đề Báo cáo)
- Ban lãnh đạo phòng khám;
- Các bộ phận, phòng;
- Lưu HCNS

TỜ TRÌNH

V/v Công bố Phòng khám đa khoa Nam Cao là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hà Nam

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ thông tư số 32/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ quyết định số 535/QĐ-SYT ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Sở Y tế về việc cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho phòng khám đa khoa Nam Cao

Căn cứ giấy phép hoạt động số 00291/HNA-GPHĐ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Sở y tế Hà Nam về việc khám bệnh, chữa bệnh cho Phòng khám đa khoa Nam Cao

Thực hiện công văn số 138/SYT-NVYD ngày 24/01/2024 của Sở y tế tỉnh Hà Nam về việc đôn đốc thực hiện Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15, Nghị định 96/2023/NĐ-CP, Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

Căn cứ tình hình thực tế của Phòng khám về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và phạm vi hoạt động chuyên môn; Phòng khám đủ điều kiện là cơ sở thực hành theo các quy định của Luật khám chữa bệnh.

Phòng khám đa khoa Nam Cao trân trọng kính trình và đề nghị Sở y tế quan tâm xem xét và công bố Phòng khám đa khoa Nam Cao là cơ sở thực hành theo quy định.

(Có bản công bố, Kế hoạch hướng dẫn thực hành và nội dung thực hành kèm theo)

Phòng khám đa khoa Nam Cao kính trình và trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HCNS

NỘI DUNG THỰC HÀNH CÁC CHỨC DANH

STT	STT Theo TT43	DANH MỤC KỸ THUẬT	CHỨC DANH		
			Y sỹ	KTV	
				HA Y học	XN Y học
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC			
		A. Tuần Hoàn			
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ			
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x
4	6	Đặt Catheter tĩnh mạch ngoại biên			
5	10	Chăm sóc Catheter tĩnh mạch			
		B. Hô Hấp			
6	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x
7	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x
8	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x
9	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x
10	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em			
11	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn			
		C. Thận - Lọc Máu			
12	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang			
13	161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu			
14	164	Thông bàng quang			
15	165	Rửa bàng quang lấy máu cục			
16	233	Rửa bàng quang			
		D. Tiêu Hóa			
17	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa			
18	216	Đặt ống thông dạ dày	x		
19	218	Rửa dạ dày cấp cứu			
20	219	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			
21	221	Thụt tháo	x		
22	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			
23	339	Thụt tháo phân	x		
24	222	Thụt giữ	x		
25	223	Đặt ống thông hậu môn	x		
26	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)			
27	239	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu			
		E. Toàn Thân			
28	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x		
29	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x		
30	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x		
31	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)			
32	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn			

33	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x		
34	275	Băng bó vết thương	x		
35	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x		
36	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x		
37	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng			
		G. Xét Nghiệm			
38	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)			x
39	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm			x
40	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm			x
		H. Thăm Dò Khác			
41	303	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh			
		II. NỘI KHOA			
		A. Hô Hấp			
42	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x		
43	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm			
44	9	Chọc dò dịch màng phổi			
45	10	Chọc tháo dịch màng phổi			
46	11	Chọc hút khí màng phổi			
		B. Tim Mạch			
47	85	Điện tim thường	x		
48	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường			
		C. Thần Kinh			
49	128.	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)			
50	129.	Ghi điện não thường quy			
51	150	Hút đờm hầu họng			
52	164.	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường	x		
		D. Thận Tiết Niệu			
53	188	Đặt sonde bàng quang			
54	233	Rửa bàng quang			
		Đ. Tiêu Hóa			
55	244	Đặt ống thông dạ dày	x		
56	313	Rửa dạ dày cấp cứu			
57	314	Siêu âm ổ bụng			
58	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn			
59	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng			
60	339	Thụt tháo phân	x		
		E. Cơ Xương Khớp			
61	349	Hút dịch khớp gối			
62	361	Hút nang bao hoạt dịch			
63	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm			
		III. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP			
		B Tai Mũi Họng			
64	7	Nội soi Cầm máu Mũi			
65	8	Nội soi Mũi hầu họng có sinh thiết			
66	10	Nội soi thanh quản ống mềm chuẩn đoán			

67	13	Nội soi Tai Mũi Họng			
		D Tiêu Hoá - Ổ Bụng			
68	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng			
69	81	Nội soi đại tràng sigma			
70	82	Soi trực tràng			
		IV. THĂM DÒ CHỨC NĂNG			
71	4	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay)			
72	13	Nghiệm pháp dây thắt	x		
73	14	Điện tim thường	x		
74	22	Test dung tích sống gắng sức (FVC)			
75	23	Test dung tích sống thở chậm (SVC)			
76	24	Thông khí tự ý tối đa (MVV)			
77	40	Ghi điện não đồ thông thường			
78	101	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm			
79	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA			
80	103	Đo cảm giác rung bàn chân bằng máy			
81	104	Test prostigmin chẩn đoán nhược cơ			
82	105	Nghiệm pháp Atropin			x
83	118	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin			x
84	122	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin			
		VIII. ĐIỆN QUANG			
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN			
		1. Siêu âm đầu, cổ			
85	1	Siêu âm tuyến giáp			
86	2	Siêu âm các tuyến nước bọt			
87	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt			
88	4	Siêu âm hạch vùng cổ			
		2. Siêu âm vùng ngực			
89	11	Siêu âm màng phổi			
90	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)			
		3. Siêu âm ổ bụng			
91	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)			
92	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)			
93	17	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng			
94	18	Siêu âm tử cung phần phụ			
95	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)			
96	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng			
97	22	Siêu âm Doppler gan lách			
98	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)			
99	24	Siêu âm Doppler động mạch thận			
100	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ			
101	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)			
102	27	Siêu âm 3D/4D khối u			
103	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi			
104	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới			

		4. Siêu âm sản phụ khoa			
105	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng			
106	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo			
107	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng			
108	33	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo			
109	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu			
110	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa			
111	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối			
112	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung			
113	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu			
114	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa			
115	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối			
116	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi			
117	42	Siêu âm tầm soát dị vật thai nhi			
		5. Siêu âm cơ xương khớp			
118	43	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)			
119	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)			
		6. Siêu âm tim, mạch máu			
120	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới			
121	46	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch			
122	52	Siêu âm Doppler tim, van tim			
		7. Siêu âm vú			
123	54	Siêu âm tuyến vú hai bên			
124	55	Siêu âm Doppler tuyến vú			
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam			
125	57	Siêu tinh hoàn hai bên			
126	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên			
127	59	Siêu âm dương vật			
128	60	Siêu âm Doppler dương vật			
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)			
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy			
129	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng		X	
130	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến		X	
131	72	Chụp Xquang Blondeau		X	
132	73	Chụp Xquang Hirtz		X	
133	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên		X	
134	78	Chụp Xquang Schuller		X	
135	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm		X	
136	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng		X	
137	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên		X	
138	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2		X	
139	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch		X	

140	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng			
141	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên			x
142	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng			x
143	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng			x
144	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên			x
145	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng			x
146	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo			x
147	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng			x
148	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo			x
149	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng			x
150	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng			x
151	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
152	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)			x
153	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng			x
154	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
155	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
156	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên			x
157	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng			x
158	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng			x
159	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
160	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè			x
161	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng			x
162	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
163	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo			x
164	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng			x
165	119	Chụp Xquang ngực thẳng			x
166	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên			x
167	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng			x
		VII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU			
		A. Xét Nghiệm Đông Máu			
168	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke			x
169	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy			x
170	21	Cơ cục máu đông (Tên khác: Cơ cục máu)			x
171	22	Nghiệm pháp dây thắt	x		x
		C. Tế Bào Học			
172	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			x
173	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)			x
174	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)			x
		D. Huyết Thanh Học Nhóm Máu			
175	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)			x
		VIII. HÓA SINH			
					x

A. Máu					
					X
176	3	Định lượng Acid Uric			X
177	7	Định lượng Albumin			X
178	9	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)			X
179	10	Đo hoạt độ Amylase			X
180	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)			X
181	20	Đo hoạt độ AST (GOT)			X
182	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp			X
183	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp			X
184	27	Định lượng Bilirubin toàn phần			X
185	29	Định lượng Calci toàn phần			X
186	41	Định lượng Cholesterol toàn phần			X
187	50	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)			X
188	51	Định lượng Creatinin			X
189	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)			X
190	75	Định lượng Glucose			X
191	76	Định lượng Globulin			X
192	77	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)			X
193	83	Định lượng HbA1c			X
194	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)			X
195	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)			X
196	133	Định lượng Protein toàn phần			X
197	142	Định lượng RF (Reumatoid Factor)			X
198	143	Định lượng Sắt			X
199	158	Định lượng Triglycerid			X
200	166	Định lượng Urê			X
		B. Nước Tiểu			X
201	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)			X
202	175	Đo hoạt độ Amylase			X
203	176	Định lượng Axit Uric			X
204	180	Định lượng Canxi			X
205	184	Định lượng Creatinin			X
206	187	Định lượng Glucose			X
207	194	Định tính Morphine (test nhanh)			X
208	196	Định tính Heroin (test nhanh)			X
209	201	Định lượng Protein			X
210	205	Định lượng Ure			X
211	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)			X